

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 419 /QĐ-CDKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo
Ngành Kế toán, trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc chuyển Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ-CDKT ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Kế toán, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, chương trình đào tạo:

Tên ngành: **Kế toán**

Mã ngành: **6340301**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Khối lượng kiến thức: **87 tín chỉ**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2021 – 2022.

Điều 3. Trường các đơn vị trực thuộc và sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo quyết định số 419/QĐ-CDKT ngày 15.. tháng 9... năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên ngành, nghề:	Kế toán
Mã ngành, nghề:	6340301
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1 Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân ngành kế toán nhằm cung ứng nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực kế toán đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế xã hội ngày càng nâng cao. Chương trình trang bị cho người học kiến thức về cơ sở lý luận, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo và được công nhận bởi xã hội. Đồng thời người học có khả năng phân tích, tổng hợp và xử lý vấn đề một cách có logic; kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh; kỹ năng làm việc nhóm và quản lý nhóm hiệu quả; phong cách làm việc chuyên nghiệp, có đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp và xã hội.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Kiến thức:

- Trình bày được kiến thức cơ bản về chính trị, văn hoá, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.
- Mô tả được các chuẩn mực kế toán Việt Nam; các nội dung của chế độ kế toán; và các quy định trong hệ thống văn bản pháp luật về thuế; văn bản liên quan đến kinh tế;
- Trình bày chứng từ kế toán và phương pháp lập chứng từ kế toán sử dụng trong các vị trí việc làm;
- Trình bày được phương pháp ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Trình bày được phương pháp thụ thập, sắp xếp, quản lý, lưu trữ hồ sơ, sổ sách chứng từ kế toán; phương pháp kiểm tra, đối chiếu, xử lý trong công tác kế toán;
- Trình bày được phương pháp kê khai các loại thuế;
- Trình bày được phương pháp lập báo cáo tài chính;

- Mô tả được các nội dung và quy trình thực hiện nghiệp vụ kế toán trên các phần mềm liên quan đến nghề kế toán;
- Trình bày được nội dung và quy trình thực hiện trên phần mềm hỗ trợ kê khai thuế, biết cách sử dụng chữ ký số khi nộp tờ khai, nộp thuế điện tử;
- Trình bày được kiến thức cơ bản về máy tính, mạng máy tính, phần mềm văn phòng, thiết bị văn phòng;
- Trình bày được kiến thức cơ bản về tiếng Anh, kiến thức tiếng Anh lĩnh vực chuyên môn;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2 Kỹ năng:

- Tổ chức được công tác kế toán tài chính phù hợp với từng tổ chức;
- Thực hiện thành thạo việc lập, kiểm tra, phân loại, xử lý chứng từ kế toán theo từng vị trí công việc;
- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp;
- Lập thành thạo báo cáo tài chính và báo cáo thuế;
- Trang bị các kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.
- Trang bị các kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết bao gồm thu thập thông tin, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề cũng như các kỹ năng tính toán, lập báo cáo, phân tích, lập kế hoạch và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán;
- Thiết lập được mối quan hệ với ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các cơ quan quản lý chức năng;
- Sử dụng được máy tính, mạng máy tính, phần mềm văn phòng; công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề kế toán;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành nghề kế toán.

1.2.3 Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- Rèn luyện tính chủ động trong giải quyết các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của nhân viên kế toán và tự chịu trách nhiệm với công việc kế toán.

- Có đạo đức nghề nghiệp kế toán vững vàng, bảo mật thông tin tài chính của tổ chức, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

- Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội;

- Có trách nhiệm trong công việc, trong sử dụng, bảo quản tài sản trong tổ chức.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm công việc kế toán tại các đơn vị sau:

- Các doanh nghiệp kinh tế lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ
- Các cơ quan quản lý nhà nước : ủy ban nhân dân, sở, ban ngành
- Các đơn vị sự nghiệp như trường học, bệnh viện
- Các tổ chức tín dụng, trung tâm giao dịch chứng khoán
- Các đơn vị tư vấn kế toán, tài chính, công ty đầu tư, tư vấn dịch vụ kế toán kiểm toán

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn kế toán như:

- Kế toán viên: phụ trách các phần hành như: kế toán thanh toán, kế toán kho, kế toán lương, kế toán giá thành, kế toán thuế, kế toán bán hàng,...
- Kế toán tổng hợp: phụ trách các công việc tổng hợp như kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp; Lập báo cáo tài chính.
- Ngoài ra, có thể đảm nhận công việc: nhân viên phân tích và tư vấn về kế toán, tài chính, thuế.

Cơ hội phát triển nghề nghiệp: Sau một thời gian làm việc tích lũy đủ kinh nghiệm và có đủ năng lực, điều kiện theo qui định, người học chuyên ngành kế toán doanh nghiệp có thể đảm nhiệm vị trí: Trưởng phòng kế toán, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính,...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: **36**
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **87** tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung: **435** giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1575** giờ
- Khối lượng học tập:
 - + Lý thuyết: **707** giờ;
 - + Thực hành, thực tập: **1303** giờ.



3. Nội dung chương trình:

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Môn học chung đại cương	20(11,9)	435	175	239	21
MH01	Giáo dục Chính trị	4(3,1)	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2(2,0)	30	18	10	2
MH03	Tin học	3(1,2)	75	15	58	2
MH04	Tiếng Anh (1)	3(2,1)	60	30	28	2
MH05	Tiếng Anh (2)	3(2,1)	60	30	28	2
MH06	Giáo dục thể chất 1 (*)	1(0,1)	30	3	25	2
MH07	Giáo dục thể chất 2 (*)	1(0,1)	30	2	26	2
MH08	Giáo dục Quốc phòng và an ninh (*)	3(1,2)	75	36	35	4
II	Môn học giáo dục nghề nghiệp	67(36,31)	1575	532	991	52
	<i>Môn học chung cơ sở ngành</i>	22(13,9)	465	191	252	22
MH09	Nguyên lý kế toán	2(1,1)	45	15	28	2
MH10	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2(1,1)	45	15	28	2
MH11	Thuế	2(1,1)	45	15	28	2
MH12	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	1(1,0)	15	13	0	2
MH13	Pháp luật kinh tế	2(1,1)	45	15	28	2
MH14	Thanh toán quốc tế	2(1,1)	45	15	28	2
MH15	Kinh tế vi mô	2(1,1)	45	15	28	2
MH16	Tài chính doanh nghiệp hiện đại	3(2,1)	60	30	28	2
MH17	Anh văn chuyên ngành kế toán	2(1,1)	45	15	28	2
MH18	Chuẩn mực kế toán	2(2,0)	30	28	0	2
MH19	Quản trị hành chính văn phòng	2(1,1)	45	15	28	2
	<i>Môn học bắt buộc chuyên ngành</i>	36(18,18)	915	266	627	22
MH20	Kế toán tài chính (1)	4(3,1)	75	45	28	2
MH21	Kế toán tài chính (2)	4(3,1)	75	45	28	2
MH22	Kế toán chi phí	2(1,1)	45	15	28	2

MH23	Kế toán quản trị	3(2,1)	60	30	28	2
MH24	Kế toán hành chính sự nghiệp	2(1,1)	45	15	28	2
MH25	Ứng dụng phần mềm kế toán Doanh nghiệp	3(1,2)	75	15	58	2
MH26	Thực hành sổ sách kế toán – Báo cáo tài chính	3(1,2)	75	15	58	2
MH27	Kiểm soát nội bộ	2(2,0)	30	28	0	2
MH28	Thực hành thực tế doanh nghiệp	2(0,2)	90	0	90	0
MH29	Ứng dụng Excel trong kế toán	3(2,1)	60	30	28	2
MH30	Thực hành khai báo thuế	1(0,1)	30	0	28	2
MH31	Kiểm toán	2(2,0)	30	28	0	2
MH32	Thực tập cuối khóa	5(0,5)	225	0	225	0
	<i>Môn học tự chọn chuyên ngành</i>	<i>9(5,4)</i>	<i>195</i>	<i>75</i>	<i>112</i>	<i>8</i>
	<i>Nhóm môn tự chọn 1 (Chọn 1 trong 2 môn sau)</i>	<i>2(1,1)</i>	<i>45</i>	<i>15</i>	<i>28</i>	<i>2</i>
MH33	Kế toán thương mại dịch vụ	2(1,1)	45	15	28	2
MH34	Kế toán xây lắp	2(1,1)	45	15	28	2
	<i>Nhóm môn tự chọn 2 (Chọn 1 trong 2 môn sau)</i>	<i>2(1,1)</i>	<i>45</i>	<i>15</i>	<i>28</i>	<i>2</i>
MH35	Thị trường chứng khoán	2(1,1)	45	15	28	2
MH36	Bảo hiểm	2(1,1)	45	15	28	2
	<i>Nhóm môn tự chọn 3 (Chọn 1 trong 2 môn sau)</i>	<i>2(1,1)</i>	<i>45</i>	<i>15</i>	<i>28</i>	<i>2</i>
MH37	Management Information MA1	2(1,1)	45	15	28	2
MH38	Recording financial Transatuon FA1	2(1,1)	45	15	28	2
	<i>Nhóm môn tự chọn 4 (Chọn 1 trong 2 môn sau)</i>	<i>3(2,1)</i>	<i>60</i>	<i>30</i>	<i>28</i>	<i>2</i>
MH39	Management Costs & Finances MA2	3(2,1)	60	30	28	2
MH40	Maintaining financial Records FA2	3(2,1)	60	30	28	2
	Tổng cộng	87(47,40)	2010	707	1230	73

* Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học (đính kèm)

* Bảng ma trận môn học trước (đính kèm)

* Bảng ma trận chuẩn đầu ra (đính kèm)

* Bảng quy đổi môn học thay thế (đính kèm)

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Tổ chức giảng dạy các môn học:

- Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.
- Một tiết học trong nhà trường được tổ chức giảng dạy trong 45 phút; môn học có thời lượng ≤ 45 giờ thì có tối thiểu 03 giờ ôn tập và môn học có thời lượng > 45 giờ thì có tối thiểu 06 giờ ôn tập.
- Môn học Giáo dục thể chất 1 và Giáo dục thể chất 2 được bố trí giảng dạy trong học kỳ I và học kỳ II của năm đầu tiên khóa học.
- Môn học Giáo dục quốc phòng sẽ được bố trí vào thời điểm thích hợp theo thỏa thuận của nhà trường và đơn vị có chức năng đào tạo.
- Sinh viên phải đăng ký học các môn học: Thực hành sổ sách kế toán – báo cáo tài chính, Ứng dụng phần mềm kế toán doanh nghiệp và tích lũy tối thiểu trên 50 tín chỉ mới được đăng ký môn học Thực tập cuối khóa.
- Vào học kỳ đầu tiên của khóa học, nhà trường sẽ bố trí môn học Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập nhằm giúp cho sinh viên định hình với nghề nghiệp trong tương lai.

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học được tổ chức sau khi kết thúc buổi học cuối cùng tối thiểu là 1 tuần sau khi người học đã được xét điều kiện dự thi theo quy định.
- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học được tổ chức trong buổi học cuối cùng, giảng viên có trách nhiệm công bố kết quả xét điều kiện dự thi cho sinh viên trước tuần cuối cùng một tuần.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA



Trần Văn Tú

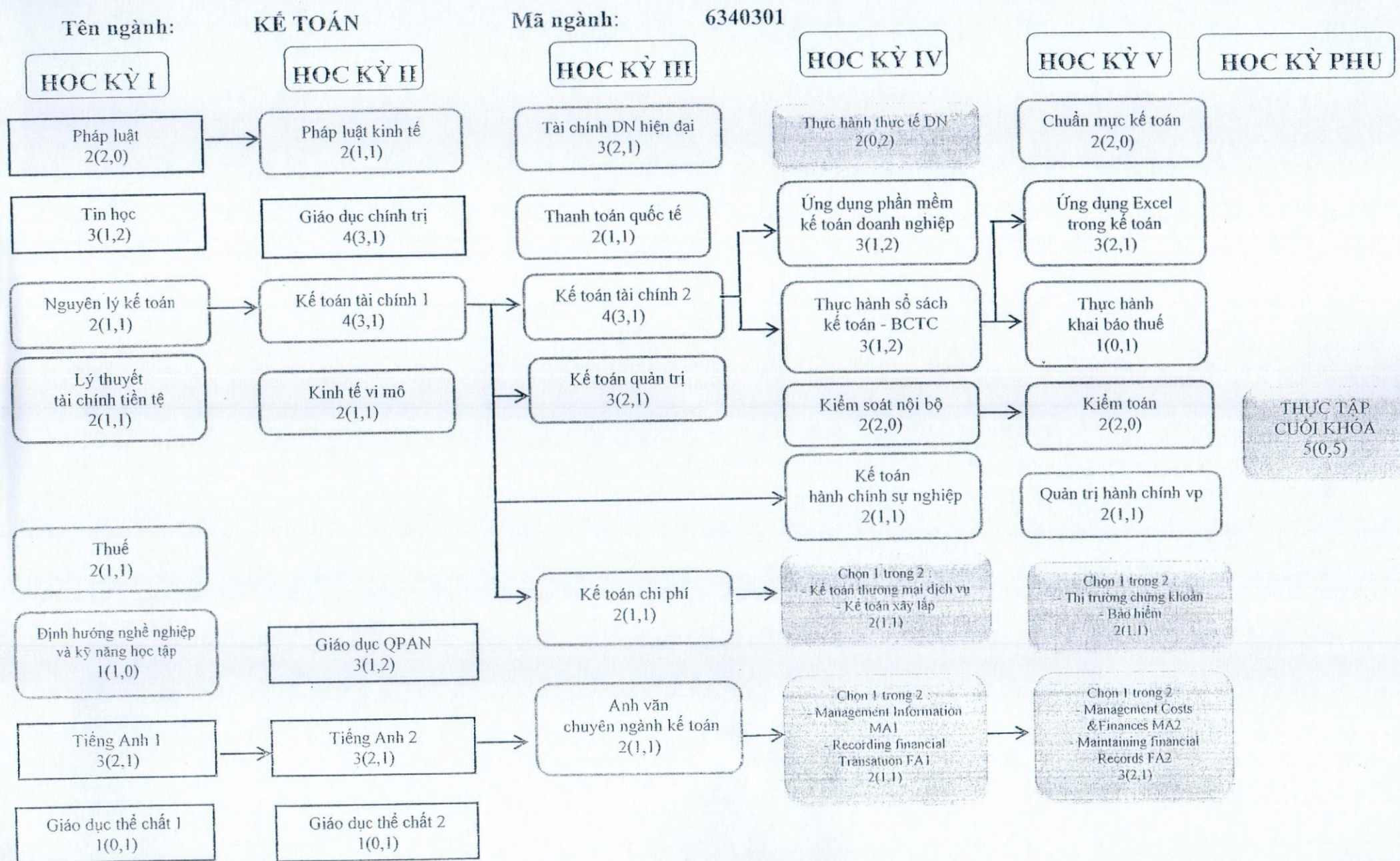
[Handwritten signature]

Hè Nguyễn Cúc Phương

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Thanh Hà

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số 419/QĐ-CDKT ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)



BẢNG MA TRẬN MÔN HỌC TRƯỚC

(Kèm theo quyết định số 419/QĐ-CDKT ngày 15. tháng 9. năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 1	- Unit 1 - Unit 3 - Unit 4	
2	Pháp luật Kinh tế	Pháp luật	- Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật - Bài 3: Pháp luật dân sự - Bài 4: Pháp luật lao động	
3	Anh văn chuyên ngành Kế toán	Tiếng Anh 2	- Unit 7 : Journey - Unit 8 : Appearance - Unit 9 : Film and the Art - Unit 10: Science - Unit 11: Tourism - Unit 12 : The Earth	
4	Kế toán tài chính 1	Nguyên lý kế toán	- Chương 1: Tổng quan về kế toán - Chương 3: Phương pháp tài khoản và hệ thống tài khoản - Chương 4: Phương pháp ghi sổ kép và phân loại tài khoản - Chương 5 : Tính giá các đối tượng kế toán - Chương 6 : Phương pháp chứng từ và kiểm kê	
5	Kế toán tài chính 2	Nguyên lý kế toán	- Chương 1: Tổng quan về kế toán - Chương 3: Phương pháp tài khoản và hệ thống tài khoản - Chương 4: Phương pháp ghi sổ kép và phân loại	

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
			tài khoản - Chương 6 : Phương pháp chứng từ và kiểm kê	
		Kế toán tài chính 1	- Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền và các khoản ứng trước - Chương 3: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ - Chương 4: Kế toán tài sản cố định	
6	Kế toán chi phí	Kế toán tài chính 1	- Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền và các khoản ứng trước - Chương 3: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ - Chương 4: Kế toán tài sản cố định - Chương 5: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	
7	Kế toán quản trị	Nguyên lý kế toán	- Chương 1: Tổng quan về kế toán - Chương 2: Bảng cân đối kế toán – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. - Chương 4: Phân loại tài khoản kế toán.	
8	Kế toán hành chính sự nghiệp	Kế toán tài chính 1	- Chương 1: Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán - Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền và các khoản ứng trước - Chương 3: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ - Chương 4: Kế toán tài sản cố định - Chương 5: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	
9	Kiểm soát nội bộ	Kế toán tài chính 1	- Chương 1: Tổ chức công tác kế toán - Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền và các khoản ứng trước	

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
			- Chương 3: Kế toán Nguyên vật liệu - Chương 4: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương - Chương 5: Kế toán tài sản cố định	
10	Kiểm toán	Kiểm soát nội bộ	- Chương 1: Tổng quan về kiểm soát nội bộ - Chương 2: Khuôn mẫu kiểm soát nội bộ theo báo cáo COSO - Chương 3: Thiết kế KSNB đối với các quy trình cơ bản	
11	Thực hành sổ sách kế toán – Báo cáo tài chính	Nguyên lý kế toán	- Chương 2: Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Chương 6: Phương pháp chứng từ kế toán - kiểm kê	
		Kế toán tài chính 1	- Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền và các khoản ứng trước - Chương 3: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ - Chương 4: Kế toán kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư - Chương 5: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	
		Kế toán tài chính 2	- Chương 1: Kế toán thành phẩm và quá trình tiêu thụ - Chương 2: Kế toán các khoản đầu tư tài chính	

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
12	Ứng dụng phần mềm kế toán doanh nghiệp		- Chương 3: Kế toán nợ phải thu và nợ phải trả - Chương 4: Kế toán vốn chủ sở hữu - Chương 5: Kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận	
		Kế toán chi phí	- Chương 3: Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang và phương pháp tính giá thành sản xuất sản phẩm - Chương 4: Kế toán giá thành sản xuất sản phẩm theo số liệu thực tế	
		Nguyên lý kế toán	- Chương 2: Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Chương 6: Phương pháp chứng từ kế toán - kiểm kê	
		Kế toán tài chính 1	- Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền và các khoản ứng trước - Chương 3: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ - Chương 4: Kế toán kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư - Chương 5: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	
		Kế toán tài chính 2	- Chương 1: Kế toán thành phẩm và quá trình tiêu thụ - Chương 2: Kế toán các khoản đầu tư tài chính	

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
			- Chương 3: Kế toán nợ phải thu và nợ phải trả - Chương 4: Kế toán vốn chủ sở hữu - Chương 5: Kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận	
13	Ứng dụng excel trong kế toán	Thực hành sổ sách kế toán – Báo cáo tài chính	- Chương 2: Ghi sổ kế toán tổng hợp - Chương 3: Ghi sổ kế toán chi tiết - Chương 4: Lập Báo cáo tài chính	
14	Thực hành khai báo thuế	Thuế	- Chương 2: Thuế xuất nhập khẩu - Chương 3: Thuế Tiêu thụ đặc biệt - Chương 4: Thuế giá trị gia tăng - Chương 5: Thuế Thu nhập doanh nghiệp - Chương 6 : Thuế Thu nhập cá nhân	
		Thực hành sổ sách kế toán	- Chương 2: Ghi sổ kế toán tổng hợp - Chương 3: Ghi sổ kế toán chi tiết - Chương 4: Lập Báo cáo tài chính	
15	Kế toán TM - DV	Kế toán chi phí	- Chương 3: Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang và phương pháp tính giá thành sản xuất sản phẩm - Chương 4: Kế toán giá thành sản xuất sản phẩm theo số liệu thực tế	
		Kế toán tài chính 2	- Chương 1: Kế toán thành phẩm và quá trình tiêu thụ - Chương 5: Kế toán xác định kết quả kinh doanh	

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
			và phân phối lợi nhuận	
16	Kế toán xây lắp	Kế toán chi phí	- Chương 3: Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang và phương pháp tính giá thành sản xuất sản phẩm - Chương 4: Kế toán giá thành sản xuất sản phẩm theo số liệu thực tế	
		Kế toán tài chính 2	- Chương 1: Kế toán thành phẩm và quá trình tiêu thụ - Chương 5: Kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận	
17	Thực hành thực tế doanh nghiệp	Thực hành sổ sách kế toán – Báo cáo tài chính	- Chương 2: Ghi sổ kế toán tổng hợp - Chương 3: Ghi sổ kế toán chi tiết - Chương 4: Lập Báo cáo tài chính	
		Ứng dụng phần mềm kế toán doanh nghiệp	- Chương 2: Cấu trúc và các chức năng của phần mềm kế toán - Chương 3: Thực hành sử dụng phần mềm kế toán	
18	Management Information MA1 Recording financial Transatuon FA1	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	- Bài 2 : Bookkeeping - Bài 5 : Accounting assumptions and principles	

BẢNG MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

(Kèm theo quyết định số 419../QĐ-CDKT ngày 15... tháng 9. năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Kiến thức:

101. Trình bày được kiến thức cơ bản về chính trị, văn hoá, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.
102. Mô tả được các chuẩn mực kế toán Việt Nam; các nội dung của chế độ kế toán; và các quy định trong hệ thống văn bản pháp luật về thuế; văn bản liên quan đến kinh tế;
103. Trình bày chứng từ kế toán và phương pháp lập chứng từ kế toán sử dụng trong các vị trí việc làm;
104. Trình bày được phương pháp ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
105. Trình bày được phương pháp thu thập, sắp xếp, quản lý, lưu trữ hồ sơ, sổ sách chứng từ kế toán; phương pháp kiểm tra, đối chiếu, xử lý trong công tác kế toán;
106. Trình bày được các phương pháp kê khai thuế;
107. Trình bày được phương pháp lập báo cáo tài chính;
108. Mô tả được các nội dung và quy trình thực hiện nghiệp vụ kế toán trên các phần mềm liên quan đến nghề kế toán;
109. Trình bày được nội dung và quy trình thực hiện trên phần mềm hỗ trợ kê khai thuế, biết cách sử dụng chữ ký số khi nộp tờ khai, nộp thuế điện tử;
110. Trình bày được kiến thức cơ bản về máy tính, mạng máy tính, phần mềm văn phòng, thiết bị văn phòng;
111. Trình bày được kiến thức cơ bản về tiếng Anh, kiến thức tiếng Anh lĩnh vực chuyên môn ;
112. Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.



1.2. Kỹ năng:

201. Tổ chức được công tác kế toán tài chính phù hợp với từng tổ chức;
202. Thực hiện thành thạo việc lập, kiểm tra, phân loại, xử lý chứng từ kế toán theo từng vị trí công việc;
203. Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp;
204. Lập thành thạo báo cáo tài chính và báo cáo thuế;
205. Trang bị các kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.
206. Trang bị các kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết bao gồm thu thập thông tin, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề cũng như các kỹ năng tính toán, lập báo cáo, phân tích, lập kế hoạch và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán
207. Thiết lập được mối quan hệ với các tổ chức tín dụng và các cơ quan quản lý chức năng;
208. Sử dụng được máy tính, mạng máy tính, phần mềm văn phòng; công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề kế toán;
209. Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành nghề kế toán.

1.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

301. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
302. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
303. Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
304. Rèn luyện tính chủ động trong giải quyết các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của nhân viên kế toán và tự chịu trách nhiệm với công việc kế toán.
305. Có đạo đức nghề nghiệp kế toán vững vàng, bảo mật thông tin tài chính của tổ chức, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

306. Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội

307. Có trách nhiệm trong công việc, trong sử dụng, bảo quản tài sản trong tổ chức.

2. Bảng ma trận chuẩn đầu ra:

	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	201	202	203	204	205	206	207	208	209
MH01												X	X								
MH02												X	X								
MH03										X										X	
MH04											X										X
MH05											X										X
MH06												X									
MH07												X									
MH09		X											X								
MH10		X											X								
MH11		X														X					
MH12																	X				
MH13	X												X								
MH14		X											X								
MH15		X																X			
MH16		X											X								
MH17											X										X



	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	201	202	203	204	205	206	207	208	209
MH18		X											X								
MH19										X										X	
MH20			X	X										X	X						
MH21			X	X										X	X						
MH22			X	X										X	X						
MH23			X	X										X	X						
MH24			X	X										X	X						
MH25								X						X	X	X				X	
MH26					X		X							X	X	X					
MH27		X																X			
MH28													X				X	X	X		
MH29								X							X	X				X	
MH30						X			X							X			X	X	
MH31		X																X			
MH32														X	X	X	X	X	X	X	
MH33			X	X										X	X						
MH34			X	X										X	X						
MH35		X																X			
MH36		X																X			

	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	201	202	203	204	205	206	207	208	209
MH37			X	X							X			X	X						X
MH38			X	X							X			X	X						X
MH39			X	X							X			X	X						X
MH40			X	X							X			X	X						X

75

BẢNG QUY ĐỔI MÔN HỌC THAY THẾ

(Kèm theo quyết định số ~~419~~ /QĐ-CDKT ngày ~~15~~ tháng ~~9~~ năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
1	MH29	13,14	Soan thảo văn bản	2	Quản trị hành chính văn phòng	MH19	2	Nhóm môn tự chọn
2	MH29	13,14	Đạo đức kinh doanh và văn hóa DN	2	Quản trị hành chính văn phòng	MH19	2	
3	MH15	13,14	Kế toán tài chính DN 1	4	Kế toán tài chính 1	MH20	4	
4	MH17	13,14	Kế toán tài chính DN 2	4	Kế toán tài chính 2	MH21	4	
5	MH28	13,14,15,16	Kế toán ngân hàng	2	Chọn 1 trong 2 môn : - Management Information MA1 - Recording financial Transatuon FA1	MH37,38	2	
6	MH23	13,14	Thực hành sổ sách kế toán	2	Thực hành sổ sách kế toán - BCTC	MH26	3	
7	MH24	13,14	Thực hành BCTC – BC thuế	2	Thực hành khai báo thuế	MH30	1	
8	MH32,33	13,14,15,16	Kiến tập DN 1, 2	2	Thực hành thực tế DN	MH28	2	
9	MH29	15,16	Thực hành kế toán	4	Thực hành sổ sách kế toán - BCTC	MH26	3	
10	MH14	15,16	Sử dụng bảng tính nâng cao	2	Thực hành khai báo thuế	MH30	1	
11	MH11	13,14,15,16	Toán tài chính	2	Chuẩn mực kế toán	MH18	2	



Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
12	MH22	13,14,15,16	Phân tích TCDN	2	Chuẩn mực kế toán	MH18	2	
13	MH14	13,14,15,16	Tài chính DN 1	3	Tài chính doanh nghiệp hiện đại	MH16	3	
14	MH16	13,14	Tài chính DN 2	3	Tài chính doanh nghiệp hiện đại	MH16	3	
15	MH16	15,16	Tài chính DN 2	2	Tài chính doanh nghiệp hiện đại	MH16	3	
16	MH27	13,14,15,16	Thực tập tốt nghiệp	4	Thực tập cuối khóa	MH32	5	

70